

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Quý II năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3,356,001,668,424	3,185,466,000,523
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	891,241,135,051	1,262,727,092,679
1. Tiền	111		16,715,911,742	5,593,207,329
2. Các khoản tương đương tiền	112		874,525,223,309	1,257,133,885,350
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		245,197,997,989	108,061,576,778
1. Đầu tư ngắn hạn	121		254,810,117,989	117,843,856,778
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(9,612,120,000)	(9,782,280,000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		779,224,336,405	561,544,758,845
1. Phải thu khách hàng	131	V.2	686,987,920,115	497,118,928,850
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	39,154,022,396	16,533,756,025
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	61,183,241,828	55,992,921,904
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(8,100,847,934)	(8,100,847,934)
IV. Hàng tồn kho	140		1,326,013,805,625	1,178,003,406,216
1. Hàng tồn kho	141	V.5	1,333,412,875,016	1,214,508,634,330
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(7,399,069,391)	(36,505,228,114)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		114,324,393,354	75,129,166,005
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		157,146,361	144,621,577
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		111,323,617,107	73,542,394,224
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.6	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.7	2,843,629,886	1,442,150,204

Bảng cân đối kế toán quý II-2013 (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,743,566,846,721	1,789,258,050,027
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.8	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		195,971,167,975	202,032,206,168
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	167,246,360,175	178,796,831,912
<i>Nguyên giá</i>	222		265,403,869,240	269,011,810,118
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(98,157,509,065)	(90,214,978,206)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	19,760,761,764	16,331,164,820
<i>Nguyên giá</i>	228		23,933,190,203	20,325,564,603
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(4,172,428,439)	(3,994,399,783)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	8,964,046,036	6,904,209,436
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241			
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1,545,573,189,952	1,586,521,342,692
1. Đầu tư vào công ty con	251		1,579,389,381,422	1,577,452,589,162
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		2,180,000,000	2,180,000,000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.12	7,000,000,000	7,000,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(42,996,191,470)	(111,246,470)
V. Lợi thế thương mại	260		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	270		2,022,488,794	704,501,167
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.13	1,557,638,107	189,243,826
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	272	V.14	464,850,687	515,257,341
3. Tài sản dài hạn khác	273	V.15	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		5,099,568,515,145	4,974,724,050,550

Bảng cân đối kế toán quý II-2013 (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		3,786,733,867,131	3,665,194,886,436
I. Nợ ngắn hạn	310		3,783,344,579,381	3,163,133,857,072
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	3,202,754,099,085	2,291,893,188,343
2. Phải trả người bán	312	V.17	437,733,222,334	561,540,870,531
3. Người mua trả tiền trước	313	V.18	11,212,240,395	6,411,973,205
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	8,858,701,183	4,316,424,979
5. Phải trả người lao động	315	V.20	28,926,066,011	21,433,112,453
6. Chi phí phải trả	316	V.21	-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.22	31,199,912,293	203,207,539,920
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		62,660,338,080	74,330,747,641
II. Nợ dài hạn	330		3,389,287,750	502,061,029,364
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332			
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	-	500,000,000,000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		1,529,885,001	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		1,859,402,749	2,061,029,364
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,312,834,648,014	1,309,529,164,114
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,312,834,648,014	1,309,529,164,114
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	700,000,000,000	700,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		177,876,869,236	177,876,869,236
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ	414		(18,537,405,861)	
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		30,230,164,884	42,568,431,702
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		13,769,908,805	13,769,908,805
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	409,495,110,950	375,313,954,371
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433			
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		5,099,568,515,145	4,974,724,050,550

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký arọc		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
a. USD		209,007.60	124,836.00
b. JPY		45,965,008.00	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Kế toán trưởng

Lưu Minh Trung



Cà Mau, ngày 12 tháng 08 năm 2013

Phó Tổng Giám đốc

Chu Văn An

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý II		Lấy kể từ đầu năm đến kỳ báo cáo
			Năm 2013	Năm 2012	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	2,126,428,247,177	2,117,425,156,878	3,369,528,570,685
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL1	24,208,278,414	10,426,363,918	3,610,281,593,077
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL1	2,102,219,968,763	2,106,998,792,960	11,604,453,395
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	1,921,002,589,162	1,913,778,459,621	3,598,677,139,682
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		181,217,379,601	193,220,333,339	3,299,619,297,407
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	20,031,151,154	247,390,911,867	3,058,488,650,665
7. Chi phí tài chính	22	VL4	115,790,573,540	101,716,277,153	270,619,142,076
Trong đó: chi phí lãi vay	23		50,990,607,059	151,479,465,839	40,809,691,490
8. Chi phí bán hàng	24	VL5	61,613,043,026	101,560,375,118	151,479,465,839
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL6	10,330,467,502	64,981,292,273	84,700,438,151
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		13,514,446,687	10,111,154,654	96,717,274,539
11. Thu nhập khác	31	VL7	1,374,942,258	263,802,521,126	21,858,633,014
12. Chi phí khác	32	VL8	2,831,420	2,874,132,217	43,856,213,719
13. Lợi nhuận khác	40		1,372,110,838	63,324,073	1,721,493,140
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết kinh doanh	50		-	2,831,420	63,324,073
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		14,886,557,525	2,810,808,144	3,623,580,822
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	V.19	2,141,347,726	266,613,329,270	45,574,875,439
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62	V.19	(1,580,291,655)	10,098,204,117	9,813,427,205
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		11,164,918,144	256,515,125,153	(1,580,291,655)
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VL10	11,164,918,144	256,515,125,153	34,181,156,579
					273,734,756,340

Cà Mau, ngày 12 tháng 08 năm 2013

Kế toán Trưởng

Lưu Minh Trung

Phó Tổng Giám đốc

Lưu Minh Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỖ ĐÓNG CHỮ

CHỖ CHỮ KÝ VÀ CHỖ ĐÓNG CHỮ

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		45,574,875,439	289,604,305,783
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		12,019,972,035	12,173,656,681
- Các khoản dự phòng	03		13,608,626,277	(61,224,053,870)
- Lãi từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	04		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	05		21,714,312,317	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	06		(37,865,261,299)	(262,027,023,504)
- Chi phí lãi vay	07		84,700,438,151	165,332,604,505
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		139,752,962,920	143,859,489,595
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(248,625,398,305)	(164,782,989,295)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(118,904,240,686)	(49,163,490,097)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(114,211,355,851)	(870,861,871,571)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9,732,781)	53,010,069
- Tiền lãi vay đã trả	13		(85,418,493,707)	(136,301,582,901)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4,438,321,612)	(5,771,345,326)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	184,105,520
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(24,210,302,994)	(13,941,865,858)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(456,064,883,016)	(1,096,726,539,864)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.5	(7,330,120,126)	(9,526,841,860)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, gửi kỳ hạn, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(133,862,500,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		371,824,000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1,936,792,260)	(30,989,782,516)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		33,422,171,524	262,027,023,504
8. Tiền thu từ các khoản ký gửi, ký quỹ dài hạn	28		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(109,335,416,862)	221,510,399,128

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp PS, TP Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý II năm 2013 (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến kỳ báo cáo	
			Năm 2013	Năm 2012
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.8	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(18,537,405,861)	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3,540,013,090,773	3,639,701,614,484
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3,156,970,300,982)	(3,682,488,054,964)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(168,194,437,250)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		196,310,946,680	(42,786,440,480)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(369,089,353,198)	(918,002,581,216)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	1,262,727,092,679	996,468,970,858
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(2,396,604,430)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	891,241,135,051	78,466,389,642

Kế toán trưởng

Lưu Minh Trung

Cà Mau, ngày 12 tháng 08 năm 2013

P. Tổng Giám đốc



Châu Văn An

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Quý II năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Chế biến, xuất khẩu hàng thủy sản; Nhập khẩu nguyên vật liệu, phụ liệu về chế biến hàng xuất khẩu; Nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ sản xuất hàng xuất khẩu; Kinh doanh bất động sản; Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng; Thi công, xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, Nuôi trồng thủy sản, kinh doanh giống thủy sản, kinh doanh thức ăn thủy sản và vật tư máy móc thiết bị phục vụ nuôi trồng thủy sản, kinh doanh tòa nhà cao ốc, văn phòng cho thuê.

Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú là Công ty được thành lập theo giấy chứng nhận đầu tư số 2000393273 do Sở kế hoạch và đầu tư Tỉnh Cà Mau cấp.

Cổ phiếu công ty được niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành Phố Hồ Chí Minh.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính quý II năm 2013 được bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2013 và kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung số 210/2009/TT-BTC về việc trình bày và thuyết minh các công cụ tài chính, Việc áp dụng thông tư này không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc đánh giá hay trình bày các công cụ tài chính trong các báo cáo tài chính của công ty.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc, Các báo cáo tài chính này là báo cáo tài chính riêng không bao gồm các báo cáo tài chính của các công ty con.

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được, Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	4 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10

6. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY ME

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2013 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao trong 43 – 50 năm.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

10. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 01% đến 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trả trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty là vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

13. Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh từ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Cụ thể như sau:

Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại số dư cuối năm của tiền và các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và được ghi bút toán ngược lại để xóa số dư vào đầu năm sau.

Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ dài hạn có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm. Tuy nhiên, nếu việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái của các khoản nợ phải trả dài hạn làm cho kết quả kinh doanh của Công ty bị lỗ thì một phần chênh lệch tỷ giá được phân bổ cho năm sau để Công ty không bị lỗ nhưng khoản lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng chênh lệch tỷ giá của số dư ngoại tệ dài hạn phải trả trong năm đó. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại sẽ được phân bổ vào chi phí cho các năm sau với thời gian tối đa không quá 5 năm.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2013 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

17. Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông của Công ty. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của công ty cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm tàng.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	367,971,702	1,676,537,477
Tiền gửi ngân hàng	16,347,940,040	3,916,669,852
Các khoản tương đương tiền (*)	874,525,223,309	1,257,133,883,950
Cộng	891,241,135,051	1,262,727,091,279

(*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cổ phiếu	14,811,109,411	11,267,580,000
Đầu tư ngắn hạn khác	239,999,008,578	106,576,276,778
- Tiền gửi tiết kiệm và chứng chỉ tiền gửi từ 1 năm trở xuống	232,692,500,000	98,830,000,000
- Đầu tư ngắn hạn khác (a)	7,306,508,578	7,746,276,778
Cộng	254,810,117,989	117,843,856,778

(a) Khoản này phản ánh khoản cho hộ nuôi tôm vay để hỗ trợ việc nuôi tôm, được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, không chịu lãi suất và hoàn trả theo yêu cầu. Theo hợp đồng hộ nuôi tôm cam kết sẽ bán toàn bộ số lượng tôm thu hoạch được cho công ty.

Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Từ 1/1/2013 đến 30/06/2013

Số dư đầu năm

(9,782,280,000)

Tăng trong kỳ

-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2013 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hoàn nhập trong kỳ	170,160,000
Số dư cuối kỳ	(9,612,120,000)

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng trong nước	53,889,683,547	41,972,659,112
Khách hàng nước ngoài	633,098,236,568	455,146,269,738
Cộng	686,987,920,115	497,118,928,850

Các khoản phải thu không được đảm bảo, không chịu lãi suất và được hoàn trả trong vòng từ 15 đến 180 ngày kể từ ngày ghi trên hoá đơn. Các khoản phải thu này được dùng để thế chấp cho các khoản vay của Công ty tại các Ngân Hàng thương mại.

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước nhà cung cấp trong nước	30,502,563,840	16,533,756,025
Trả trước nhà cung cấp nước ngoài	8,651,458,556	-
Cộng	39,154,022,396	16,533,756,025

Khoản trả trước cho nhà cung cấp là khoản chi ứng trước cho việc mua máy móc, vật liệu và dịch vụ phục vụ cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh.

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thu nhập lãi tiền gửi phải thu	8,765,383,938	4,430,530,163
Phải thu từ công ty con	28,002,776,163	21,639,788,414
Cổ tức phải thu	23,413,037,776	23,413,037,776
Phải thu từ thanh lý đơn vị đầu tư	-	5,786,178,618
Phải thu khác	1,002,043,951	723,386,933
Cộng	61,183,241,828	55,992,921,904

Khoản phải thu từ công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi suất và hoàn trả theo yêu cầu.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(8,100,847,934)	(8,100,847,934)
Cộng	(8,100,847,934)	(8,100,847,934)

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên vật liệu	45,089,111,547	41,234,621,613
Công cụ, dụng cụ	1,644,217,069	1,458,229,827
Thành phẩm, hàng hóa	1,286,679,546,400	1,171,815,782,890
Cộng	1,333,412,875,016	1,214,508,634,330
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(7,399,069,391)	(36,505,228,114)
Giá trị thuần của hàng tồn kho	1,326,013,805,625	1,178,003,406,216

Tất cả hàng tồn kho được dùng để thế chấp tại các ngân hàng thương mại để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

Từ 1/1/2013 đến 30/06/2013

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2013 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số dư đầu năm	(36,505,228,114)
Tăng dự phòng trong kỳ	(9,573,807,441)
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	38,679,966,164
Số dư cuối kỳ	(7,399,069,391)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

Từ 1/1/2013 đến 31/06/2013

Số dư đầu năm	144,621,577
Tăng trong kỳ	136,785,446
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(124,260,662)
Số dư cuối kỳ	157,146,361

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm thiết bị văn phòng, công cụ và dụng cụ được phân bổ trong khoảng thời gian tối đa 01 năm.

9. Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	111,323,617,107	73,542,394,224
Cộng	111,323,617,107	73,542,394,224

10. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	1,908,294,000	747,691,000
Ký quỹ	935,335,886	694,459,204
Cộng	2,843,629,886	1,442,150,204

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	89,601,997,100	143,712,961,107	25,845,783,204	9,851,068,707	269,011,810,118
Tăng trong kỳ	863,885,526	646,662,600	39,420,000	-	1,549,968,126
Mua sắm mới	863,885,526	646,662,600	39,420,000	-	1,549,968,126
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	704,029,346	2,773,245,668	156,946,403	1,523,687,587	5,157,909,004
Thanh lý	-	-	-	-	-
Điều chuyển sang CP trả trước dài hạn	704,029,346	2,773,245,668	156,946,403	1,523,687,587	5,157,909,004
Số cuối kỳ	89,761,853,280	141,586,378,039	25,728,256,801	8,327,381,120	265,403,869,240
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	9,421,723,745	22,334,997,946	156,946,403	3,250,260,881	35,163,928,975
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	22,831,395,514	55,213,495,756	8,026,300,003	4,143,786,933	90,214,978,206
Tăng trong kỳ					

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY ME

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2013 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền đẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Khấu hao trong kỳ	3,080,738,452	6,587,358,497	1,670,497,150	390,659,480	11,729,253,579
Giảm trong kỳ					
Thanh lý	-	-	-	-	-
Kết chuyển sang CP trả trước dài hạn	504,354,850	1,911,374,889	137,457,851	1,233,535,130	3,786,722,720
Số cuối kỳ	25,407,779,116	59,889,479,364	9,559,339,302	3,300,911,283	98,157,509,065
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	66,770,601,586	88,499,465,351	17,819,483,201	5,707,281,774	178,796,831,912
Số cuối kỳ	64,354,074,164	81,696,898,675	16,168,917,499	5,026,469,837	167,246,360,175
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	18,557,949,392	1,767,615,211	20,325,564,603
Tăng trong kỳ			
Mua sắm mới	3,661,635,400	58,680,000	3,720,315,400
Giảm trong kỳ			
Thanh lý			
Kết chuyển sang CP trả trước dài hạn	38,485,207	74,204,593	112,689,800
Số cuối kỳ	22,181,099,585	1,752,090,618	23,933,190,203
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	2,098,382,632	74,204,593	2,172,587,225
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	3,209,491,635	784,908,148	3,994,399,783
Khấu hao trong kỳ	173,061,120	117,657,336	290,718,456
Thanh lý			
Điều chuyển sang CP trả trước dài hạn	38,485,207	74,204,593	112,689,800
Số cuối kỳ	3,344,067,548	828,360,891	4,172,428,439
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	15,348,457,757	982,707,063	16,331,164,820
Số cuối kỳ	18,837,032,037	923,729,727	19,760,761,764
Trong đó:			

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY ME

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2013 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Toàn bộ tài sản cố định hữu hình đã được thể chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2013 đến 30/06/2013
Số dư đầu năm	6,904,209,436
Tăng trong kỳ	5,721,472,000
Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(3,661,635,400)
Số dư cuối kỳ	8,964,046,036

14. Đầu tư vào công ty con

Tên công ty con	Tỷ lệ cổ phần sở hữu		Vốn đã đầu tư
	Theo giấy phép	Thực góp	
Mseafood Corporation	90,00%	90,00%	323,162,400,000
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú - Hậu Giang	97,50%	97,50%	585,000,000,000
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	97,50%	97,50%	195,000,000,000
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	95,00%	95,00%	95,000,000,000
Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang	99,10%	99,10%	148,650,000,000
Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	98,50%	98,50%	29,550,000,000
Công ty TNHH một thành viên sản xuất chế phẩm sinh học Minh Phú	100,00%	100,00%	4,500,000,000
Công ty TNHH ITV nuôi tôm sinh thái Minh Phú	100,00%	100,00%	20,000,000,000
Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú -Lộc An	100,00%	100,00%	150,000,000,000
Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú -Hòa Điền	100,00%	11,41%	28,526,981,422
Cộng			1,579,389,381,422

15. Đầu tư vào Công ty liên kết

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư vào Công ty cổ phần Cảng Minh Phú - Hậu Giang ^(a)	2,180,000,000	2,180,000,000
Cộng	2,180,000,000	2,180,000,000

(a) Công ty tham gia đầu tư vào công ty liên kết. Công ty cổ phần Cảng Minh Phú - Hậu Giang với vốn điều lệ là : 200,000,000,000 tỷ đồng. Trong đó Công ty cổ phần tập đoàn thủy sản Minh Phú góp 40%, Hoạt động kinh doanh chính của công ty này là: Thi công xây dựng cảng Container và hàng hóa vật tư, thi công xây dựng kho, cảng xăng, dầu, khí, gas, kinh doanh xăng, dầu, khí, gas, kinh doanh hàng hóa vật tư, máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất.

16. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn - Cà Mau ^(a)	7,000,000,000	7,000,000,000
Cộng	7,000,000,000	7,000,000,000

(a) Là khoản đầu tư góp vốn 10% vào Công ty cổ phần hạ tầng Sài Gòn - Cà Mau.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2013 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

Từ 1/1/2013 đến 30/06/2013

Số dư đầu năm	(111,246,470)
Tăng dự phòng trong kỳ	(42,884,945,000)
Chuyển sang dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-
Số dư cuối kỳ	(42,996,191,470)

18. Tài sản dài hạn khác**a) Chi phí trả trước dài hạn**

Từ 1/1/2013 đến 31/03/2013

Số dư đầu năm	189,243,826
Tăng trong kỳ	1,617,103,920
Kết chuyển vào chi phí SXKD	(248,709,639)
Số dư cuối kỳ	1,557,638,107

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm các loại: Công cụ, dụng cụ và thiết bị văn phòng chưa kết chuyển hết, được phân bổ dần trong khoảng thời gian từ 1 năm đến 3 năm.

b) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Xem thuyết minh số IV.14.

19. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	3,202,754,099,085	2,291,893,188,343
Cộng	3,202,754,099,085	2,291,893,188,343

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay tại các Ngân Hàng thương mại như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	2,091,893,188,343	3,572,580,904,304	(3,161,719,993,562)	2,502,754,099,085
Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương - Cà Mau	1,778,458,966,051	2,732,898,861,556	(2,522,950,772,442)	1,988,407,055,165
Ngân Hàng TNHH MTV HSBC (VN)	99,341,026,156	276,343,603,606	(201,301,098,797)	174,383,530,965
Ngân hàng Quốc tế - VIB Cà Mau	-	188,805,568,678	(69,603,936,193)	119,201,632,485
Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương - Cà Mau	214,093,196,136	374,532,870,464	(367,864,186,130)	220,761,880,470
Vay dài hạn đến hạn trả	200,000,000,000	500,000,000,000	-	700,000,000,000
Trái phiếu Vietinbank	200,000,000,000	500,000,000,000	-	700,000,000,000
Cộng	2,291,893,188,343	4,072,580,904,304	(3,161,719,993,562)	3,202,754,099,085

20. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhà cung cấp trong nước	428,413,025,889	559,992,060,213
Nhà cung cấp nước ngoài	9,320,196,445	1,548,810,318
Cộng	437,733,222,334	561,540,870,531

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2013 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**21. Người mua trả tiền trước**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Khách hàng trong nước	40,000,000	1,433,548,514
Khách hàng nước ngoài	11,172,240,395	4,978,424,691
Cộng	11,212,240,395	6,411,973,205

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	38,378,957,417	(38,378,957,417)	-
Thuế TNDN	3,581,320,042	9,813,427,205	(5,245,320,589)	8,149,426,658
Thuế thu nhập cá nhân	735,104,937	1,339,648,474	(1,365,478,886)	709,274,525
Cộng	4,316,424,979	49,532,033,096	(44,989,756,892)	8,858,701,183

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Muối tinh chế	Không chịu thuế
Tôm nguyên liệu, tôm sơ chế, thức ăn nuôi tôm	5%
Thành phẩm tôm đã hấp chín	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem thuyết minh số IV.14.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý II-2013	Lũy kế từ đầu năm
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14,886,557,525	45,574,875,439
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(6,321,166,621)	(6,321,166,619)
- Tổng thu nhập chịu thuế	8,565,390,904	39,253,708,820
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2,141,347,726	9,813,427,205
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2,141,347,726	9,813,427,205

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương cán bộ CNV	28,926,066,011	21,433,112,453
Cộng	28,926,066,011	21,433,112,453

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Số cuối kỳ	Số đầu năm
-------------------	-------------------

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2013 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7,000,000,000	10,000,000,000
Kinh phí công đoàn, BHXH	486,846,294	694,213,883
Lãi trái phiếu Vietinbank phải trả	15,876,077,163	16,594,132,719
Cổ tức phải trả	6,805,562,750	175,000,000,000
Phải trả tiền hoa hồng môi giới xuất khẩu	-	392,099,083
Phải trả phải nộp khác	1,031,426,086	527,094,235
Cộng	31,199,912,293	203,207,539,920

25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng quỹ trong kỳ		Số cuối kỳ
	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	
Quỹ khen thưởng	58,821,406,787	- (11,560,385,581)	47,261,021,206
Quỹ phúc lợi	15,509,340,854	- (110,023,980)	15,399,316,874
Cộng	74,330,747,641	- 11,670,409,561	62,660,338,080

26. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trái phiếu ghi sổ không chuyển đổi (*)	-	500,000,000,000
Cộng	-	500,000,000,000

(*) Chi tiết khoản nợ dài hạn như sau:

Trái phiếu ghi sổ không chuyển đổi kì hạn 03 năm, phát hành ngày 31 tháng 03 năm 2011, lãi suất thả nổi điều chỉnh 06 tháng/lần, tiền lãi ngày 22 tháng 6 và 22 tháng 12 hàng năm, tiền gốc trả vào ngày đáo hạn 31 tháng 03 năm 2014. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 khoản này được chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả.

27. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Từ 1/1/2013 đến 31/06/2013
Số dư đầu năm	2,061,029,364
Trích lập trong kỳ	1,016,370,144
Số chi trong kỳ	(1,217,996,759)
Số dư cuối kỳ	1,859,402,749

28. Vốn chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số dư cuối kỳ
Vốn chủ sở hữu	700,000,000,000	-	-	700,000,000,000
Thặng dư cổ phần	177,876,869,236	-	-	177,876,869,236
Chênh lệch tỉ giá hối đoái chưa thực hiện	-	35,712,872,358	(35,712,872,358)	-
Cổ phiếu quỹ	-	(18,537,405,861)	-	(18,537,405,861)
Lợi nhuận chưa phân phối	375,313,954,371	92,229,954,199	(58,048,797,620)	409,495,110,950
Quỹ đầu tư phát triển	42,568,431,702	500,000,000	(12,838,266,818)	30,230,164,884
Quỹ dự phòng tài chính	13,769,908,805	-	-	13,769,908,805
Tổng cộng	1,309,529,164,114	109,905,420,696	(106,599,936,796)	1,312,834,648,014

Cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2013 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	70,000,000	70,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ		
- Cổ phiếu phổ thông	(630,560)	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	69,369,440	70,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10,000 VND,

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Tổng doanh thu		
- Doanh thu hàng hóa & thành phẩm xuất khẩu	1,688,482,648,583	2,746,012,045,482
- Doanh thu hàng hóa & thành phẩm trong nước	437,945,598,594	623,516,525,203
Các khoản giảm trừ doanh thu (Hàng bán bị trả lại)	(24,208,278,414)	(40,420,777,944)
Doanh thu thuần	2,102,219,968,763	3,329,107,792,741
Trong đó:		
- Doanh thu hàng hóa & thành phẩm xuất khẩu	1,664,274,370,169	2,705,591,267,538
- Doanh thu hàng hóa & thành phẩm trong nước	437,945,598,594	623,516,525,203

2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn thành phẩm, hàng hóa nguyên vật liệu đã cung cấp

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Lãi tiền gửi	17,778,163,298	37,757,025,299
Lãi chênh lệch tỷ giá	1,881,163,856	2,680,842,191
Lãi do bán chứng khoán	371,824,000	371,824,000
Cộng	20,031,151,154	40,809,691,490

4. Chi phí tài chính

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Chi phí lãi vay	50,990,607,059	84,700,438,151
Lỗ chênh lệch tỷ phát sinh trong kỳ	21,815,018,129	21,815,018,129
Lỗ do bán chứng khoán	100,003,352	2,079,064,559
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	42,884,945,000	42,884,945,000
Cộng	115,790,573,540	151,479,465,839

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Chi phí nhân viên	2,086,961,757	3,710,713,045
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49,338,025,717	73,271,087,335
Chi phí khác	10,188,055,552	17,252,720,614

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2013 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Cộng	61,613,043,026	94,234,520,994
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Chi phí cho nhân viên	4,893,971,902	8,632,851,499
Chi phí đồ dùng văn phòng	549,273,032	669,926,643
Chi phí khấu hao tài sản cố định	615,866,915	1,251,530,846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	345,225,948	584,025,042
Chi phí khác	3,926,129,705	10,720,298,984
Cộng	10,330,467,502	21,858,633,014
7. Thu nhập khác		
	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Các khoản thu nhập khác	1,374,942,258	1,721,493,140
Cộng	1,374,942,258	1,721,493,140
8. Chi phí khác		
	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Các khoản chi phí khác	2,831,420	2,831,420
Cộng	2,831,420	2,831,420
9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
Công ty không tính chi tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo qui định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.		
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
	Kỳ báo cáo	Lũy kế từ đầu năm
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1,374,299,024,067	2,174,821,159,204
Chi phí nhân công	91,092,009,958	155,957,749,241
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5,986,433,814	12,019,972,035
Chi phí dịch vụ mua ngoài	70,111,544,057	111,669,753,125
Chi phí khác	20,097,666,490	34,068,365,282
Cộng	1,561,586,678,386	2,488,536,998,887

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Mseafood Corporation	Công ty con
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú - Hậu Giang	Công ty con
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	Công ty con
Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	Công ty con
Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú - Kiên Giang	Công ty con
Công ty TNHH sản xuất giống thủy sản Minh Phú	Công ty con
Công ty TNHH ITV SX chế phẩm sinh học Minh Phú	Công ty con
Công ty TNHH ITV nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Công ty con
Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú -Lộc An	Công ty con
Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú -Hòa Điền	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY ME

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2013 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Bên liên quan**

Công ty cổ phần đầu tư Long Phụng

Công ty cổ phần Cảng Minh Phú – Hậu Giang

Các nghiệp vụ phát sinh mua bán trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

Mối quan hệ

Công ty liên quan có cùng Chủ tịch HĐQT

Công ty liên quan có cùng Chủ tịch HĐQT

a) Bán hàng**Từ 1/4/2013 đến 30/06/2013**

Stt	Tên công ty	Mặt hàng	Số tiền
1	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	Tôm thành phẩm	25,005,108,954
2	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	Tôm thành phẩm	69,965,085,647
3	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An	Thức ăn tôm	652,850,000
4	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Tôm TP và bao bì	291,594,845,719
5	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Hòa Điền	Thức ăn tôm	2,360,596,230
6	Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Thức ăn tôm	10,339,206,270
7	Mseafod Corporation	Tôm thành phẩm	503,940,072,410
Tổng cộng			903,857,765,230

b) Mua hàng**Từ 1/4/2013 đến 30/06/2013**

Stt	Tên công ty	Mặt hàng	Số tiền
1	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	Dịch vụ	4,950,000,000
2	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	Tôm TP và dịch vụ	8,600,528,759
3	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Tôm Thành phẩm và dịch vụ	545,191,010,784
4	Công ty TNHH một thành viên nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Tôm Nguyên Liệu	99,734,675
5	Công ty TNHH ITV nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Hòa Điền	Tôm Nguyên Liệu	2,277,910,810
6	Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Tôm Nguyên Liệu	7,286,859,700
Tổng cộng			568,406,044,728

Tại ngày kết thúc kỳ báo cáo công nợ liên quan giữa các bên như sau:

a) Công nợ phải thu**Tại 30/06/2013**

Stt	Tên công ty	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Lộc An	Bán thức ăn tôm	18,963,308,300
		Góp vốn	28,002,776,163
2	Công ty TNHH ITV nuôi tôm sinh thái Minh Phú	Bán thức ăn tôm	6,859,770,550
		Ứng trước mua hàng	11,980,701,371
3	Công ty TNHH nuôi trồng thủy sản Minh Phú – Hòa Điền	Bán thức ăn tôm	2,070,553,077
4	Công ty TNHH thủy hải sản Minh Phú – Kiên Giang	Bán thức ăn tôm	18,393,247,184
		Ứng trước mua hàng	12,228,899,175
		Cò tức	23,413,037,776
5	Mseafod Corporation	Bán tôm TP	347,066,386,866
Tổng cộng			468,978,680,462

b) Công nợ phải trả**Tại 30/06/2013**

Stt	Tên công ty	Nội dung	Số tiền
1	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phát	Mua tôm TP và DV	69,628,337,598
2	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Quý	Mua tôm TP và DV	156,257,398,878
3	Công ty TNHH chế biến thủy sản Minh Phú – Hậu Giang	Mua tôm TP	74,102,166,080
Tổng cộng			299,987,902,556

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THỦY SẢN MINH PHÚ

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG CÔNG TY MẸ

Cho kỳ báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2013 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền, Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thay đổi chính sách kế toán

Ngày 31 tháng 12 năm 2009 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 244/2009/TT-BTC hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp liên quan đến các vấn đề sau: đơn vị tiền tệ trong kế toán; hướng dẫn thực hiện chế độ kế toán cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn sửa đổi, bổ sung phương pháp kế toán cho một số nghiệp vụ kinh tế. Công ty sẽ áp dụng các qui định này trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cà Mau, ngày 12 tháng 08 năm 2013


Lưu Minh Trung
Kế toán trưởng



Chu Văn An
P.Tổng Giám đốc